

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-01-2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Bùi Đức Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lý Ngọc B, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Có mặt).

-Bị đơn: Ông Lê Văn B1, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Ngọc B trình bày:

Bà B và ông B1 quen biết nhau một thời gian thì tự nguyện về chung sống với nhau, không tổ chức đám cưới nhưng có làm tiệc ra mắt họ hàng hai bên và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Thời gian đầu, hai người sinh sống tại ấp T, xã K, sau đó chuyển sang ấp T, xã H sinh sống.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng có hạnh phúc, nhưng thời gian sau này xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hay có chuyện cãi vã, ông B1 thường xuyên chửi mắng, xúc phạm bà B. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông B1 được nữa vì cả hai không còn tình cảm nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B1.

Trong quá trình chung sống bà và ông B1 có 01 con chung tên Lê Văn T E (nam), sinh ngày 07/02/2007 hiện nay đang sống với bà và ông B1, bà B đồng ý giao con chung cho ông B1 nuôi theo nguyện vọng của con, bà B không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, Lê Văn T E cũng đã đi làm, có thể tự nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn B1 xin vắng mặt, nhưng có thể hiện ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2022 như sau: Thông qua mai mối, ông và bà B tổ chức lễ cưới năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Vợ chồng sinh sống tại ấp T, xã H, huyện Vĩnh Hưng. Nay, trước yêu cầu của bà B muốn ly hôn với ông thì ông B1 đồng ý. Ông B1 và bà B có 01 con chung tên Lê Văn T E, sinh năm 2007. Con chung muốn ở với ông thì ông đồng ý nuôi, không yêu cầu bà B cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xác minh của Tòa án:

Chính quyền địa phương nơi cư trú của ông B1 và bà B cung cấp thông tin: Ông B1 và bà B có cư trú tại ấp T, xã H. Về mâu thuẫn giữa bà B và ông B1 như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Hiện ông B1 bị bệnh, tính tình nóng nảy hay chửi mắng bà B. Vợ chồng có 01 con chung hiện đang sống chung với hai vợ chồng. Bà B làm nghề buôn bán ngoài chợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải.

Về nội dung vụ án: Bà B và ông B1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Từ khi thụ lý giải quyết đơn ly hôn của bà B đến nay, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông B1 và bà B hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên bà B vẫn kiên quyết ly hôn; phía ông B1 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng đồng ý ly hôn với bà B; hơn nữa bà B và ông B1 đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông B1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

Về con chung: Bà B và ông B1 có 01 con chung sinh ngày 07/02/2007 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được sống chung với ông B1, ông B1 cũng đồng ý nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho ông B1 tiếp tục nuôi. Do ông B1 không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông B1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông B1 xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An vào năm 2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp, việc bà B xin ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà B cho rằng cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông B1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng do ông B1 hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi mắng xúc phạm bà nên tình cảm vợ chồng không còn, bà không muốn tiếp tục chung sống với ông B1 nữa nên yêu cầu được giải quyết cho bà được ly hôn.

[2.3] Ông B1 vắng mặt nhưng có thể hiện ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà B.

[2.4] Kết quả xác minh của Tòa án cũng có nội dung phù hợp với lời trình bày của bà B và ông B1.

[2.5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông B1 đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống

vợ chồng không thể kéo dài, căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

[3] Về con chung: Bà B và ông B1 có 01 con chung tên Lê Văn T E, sinh ngày 07/02/2007 có nguyện vọng được sống chung với ông B1, ông B1 cũng đồng ý nuôi con chung và không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc giao con chung cho ông B1 nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận. Do ông B1 không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, theo bà B trình bày thì Lê Văn T E đã có thể tự lao động để nuôi sống bản thân nên việc giao con chung cho ông B1 nuôi và bà B không cấp dưỡng cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B1 và con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà B và ông B1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà B trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà B phải chịu án phí Hôn Nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lý Ngọc B.

Về hôn nhân: Bà Lý Ngọc B được ly hôn với ông Lê Văn B1.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Văn T E (nam), sinh ngày 07/02/2007 cho ông Lê Văn B1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông B1 không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và

gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lý Ngọc B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0003808 ngày 23/11/2022 sang tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H. Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Yến Linh